|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP HCM |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TRƯỜNG THPT PHONG PHÚ** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
|  |  |  *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2025*  |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2**

**MÔN: TOÁN 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút**

| **TT** | **Chủ đề/****Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TNKQ** | **Tự luận** |
| *Nhiều lựa chọn*  | *“Đúng – Sai”* |  |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| **1** | **Nguyên hàm. Tích phân** | Nguyên hàm | **Nhận biết**: - Nhận biết được định nghĩa nguyên hàm của một hàm số **(Phần I:Câu 1)**- Xác định được nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp **(Phần I: Câu 2)** | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tích phân | **Nhận biết**: - Nhận biết được định nghĩa và các tính chất của tích phân **(Phần I: Câu 3, Câu 4)** | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ứng dụng hình học của tích phân | **Nhận biết**: - Nhận biết được công thức tính diện tích hình phẳng, thể tích hình khối **(Phần I: Câu5)****-** Nhận biết được các công thức tính diện tích, thể tích thông qua miền tính hay đồ thị cho trước. **(Phần I: Câu 6), (Phần II: Câu 3a, Câu 3b)****Thông hiểu:** Sử dụng được tích phân để tính diện tích của một số hình phẳng, thể tích của một số hình khối hay miền tính cho trước. **(Phần II: Câu 3c)****Vận dụng**:- Vận dụng tích phân để giải quyết bài toán thực tiễn **(Phần II: Câu 3d)**- Vận dụng được tích phân để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn (tính diện tích khu đất có hình dạng phức tạp; Tính toán lượng nước hồ chứa, hệ thống tưới tiêu,...). **(Phần III: Câu 1)** | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 1 |  |
| **2** | **Phương trình mặt phẳng, đường thẳng mặt cầu** | 2.1. Phương trình mặt phẳng | **Nhận biết**: - Nhận biết được phương trình :tổng quát , theo đoạn chắn, mp(Oxy), mp(Oyz),mp(Oxz) của mặt phẳng; Đi qua 1 điểm và có VTPT. **( Phần I: Câu 7)**-VTPT của mặt phẳng. **( Phần I: Câu 8)** | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2. Phương trình đường thẳng | **Nhận biết**: **-** Nhận biết được phương trình chính tắc, phương trình tham số, vectơ chỉ phương, điểm thuộc đường thẳng trong không gian. **(Phần I: Câu 9), (Phần II: Câu 1a, Câu 1b)**- Viết phương trình đường thẳng đi qua 1 điểm và có VTPT**( Phần I: Câu 10)****Thông hiểu**- Điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau. **(Phần II: Câu 1c)****-** Xác định được khoảng cách từ một điểm đến mặt phẳng, khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song sog**( Phần III: Câu 2)**- Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc giữa hai mặt phẳng **( Phần III: Câu 3)****Vận dụng:** - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng trong không gian để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn. **( Phần II: Câu 1d)** | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 2 |  |
| 2.3. Phương trình mặt cầu | **Nhận biết**- Nhận biết phương trình của mặt cầu khi biết tâm và bán kính.**( Phần I: Câu 11)****-** Xác định được tâm/ bán kính của mặt cầu khi biết đường kính AB **( Phần I: Câu 12)****Thông hiểu**- Xác định được tâm/ bán kính của mặt cầu khi biết phương trình của nó. **( Phần III: Câu 4)****Vận dụng**- Vận dụng được kiến thức về phương trình mặt cầu để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn/ sự tương giao giữa mặt phẳng và mặt cầu **( Phần III: Câu 6)** | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |
| **3** | **Xác suất có điều kiên** | 3.1. Xác suất có điều kiện | **Nhận biết**: - Nắm vững định nghĩa và ký hiệu xác suất có điều kiện P(A|B). **( Phần II: Câu 2a)**- Phân biệt được xác suất có điều kiện với xác suất thông thường. **(Phần II: Câu 2b)**- Áp dụng được công thức tính xác suất có điều kiện: P(A|B) = P(A ∩ B) / P(B), công thức nhân xác suất và các công thức liên quan **(Phần II: Câu 4a, Câu 4b)****Thông hiểu:** **-** sử dụng sơ đồ cây hoặc bảng xác suất để tính xác suất có điều kiện. **(Phần II: Câu 2c, Câu 2d)****-** Phân tích được mối quan hệ giữa xác suất có điều kiện và xác suất thông thường. **(Phần II: Câu 4c, Câu 4d)** |  |  |  | 4 | 4 |  |  |  |  |
| 3.2. Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes | **Vận dụng:**  **-** Sử dụng thành thạo hai công thức xác suất để đưa ra dự đoán và đánh giá trong các tình huống thực tế. **(Phần III: Câu 5)** |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng số câu** |  | **12** | **0** | **0** | **8** | **6** | **2** | **0** | **4** | **2** |
| **Tổng điểm** |  | **3,0** | **4,0** | **3,0** |
| **Tỉ lệ %** |  | **30** | **40** | **30** |
| **DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU** |  |  |
| **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** |  |  **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Phạm Văn Thiện** |  |  **Phan Huỳnh Phương Thúy** |
| *Nơi nhận:*  |  |
|  | *- BGH* |
|  | *- GVBM* |
|  | *- Học sinh* |
|  | *- Lưu trữ* |